

Số: 77 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 27/CV-CT ngày 01 tháng 12 năm 2022; Văn bản số 18/CV-CT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất về việc giải trình và chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở chợ Dầu mới nông sản thực phẩm Dầu Giây - giai đoạn 1 tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 335/TTr-STNMT ngày 06 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất, địa chỉ tại L4.09-10, đường N5, tổ 14, khu phố Lập Thành, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở chợ Dầu mới nông sản thực phẩm Dầu Giây - giai đoạn 1 tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây - giai đoạn 1.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 3602041707 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009; đăng ký

thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3602041707.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh chợ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở được cấp phép:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 19.670 m².
- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khu vực chợ gồm 160 ô vừa và 56 ki ốt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần bất động sản Thống Nhất:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần bất động sản Thống Nhất có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 23 tháng 6 năm 2023 đến ngày 23 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần bất động sản Thống Nhất;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thống Nhất;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 77/GPMT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh công cộng với lưu lượng lớn nhất khoảng 23,0 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải rửa tay và nước thải lau sàn từ các lavabo với lưu lượng lớn nhất khoảng 27,0 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Dòng nước thải theo đúng vị trí đầu nối thuộc hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Thống Nhất rồi dẫn ra suối Gia Đức sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thao.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm đầu nối hố ga thuộc hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Thống Nhất dẫn ra suối Gia Đức, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thao.

- Tọa độ vị trí hố ga: X = 1210843,12; Y = 433200,72

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q= 0,9, K_f= 1,2, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A, K _q = 0,9, K _f = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không	Không
2	COD	mg/l	81		
3	BOD ₅	mg/l	32,4		
4	TSS	mg/l	54		
5	Sunfua	mg/l	0,216		

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
7	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.240		
8	Clo dư	mg/l	1,08		
9	Tổng Nitơ	mg/l	21,6		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Mạng lưới thu gom nước thải của cơ sở được chia thành 02 tuyến:

- Tuyến thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (tổng cộng 03 bể tự hoại có thể tích 15 m^3) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đem bằng ống nhựa PVC đường kính 200mm có tổng chiều dài 30m.

- Tuyến thải số 02: Nước thải từ hoạt động rửa tay và lau sàn từ lavabo trong các ô vữa và các ki ốt được thoát ra ngoài bằng đường ống PVC D114 được đặt dọc theo các dãy vữa và dãy ki ốt trong chợ và được đầu nối với đường ống thu gom nước thải chính PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý. Ống nhựa PVC D114 có chiều dài 675m, ống nhựa PVC D200 có chiều dài 38m.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được đầu nối vào 01 vị trí hố ga lớn, tại đây nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở theo hệ thống thoát nước của khu hành chính huyện Thống Nhất chảy ra suối Gia Đức sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thao.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải (Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể tự hoại + nước thải lau sàn từ các lavabo) → bể thu gom → bể điều hoà → bể Anoxit → bể sinh học → bể lắng sinh học → bể khử trùng → suối Gia Đức → sông Thao.

- Công suất thiết kế: $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại tất cả các bể của hệ thống xử lý nước thải để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 30 ngày.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 50 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của công trình xử lý nước thải: Tại bể thu gom nước thải.

- Đầu ra của công trình xử lý nước thải: Tại bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Công ty không thực hiện lấy mẫu (theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ trước khi đầu nối hồ ga trên thuộc hạ tầng khu hành chính huyện Thống Nhất dẫn về suối Gia Đức, xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thao, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi tái sử dụng; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

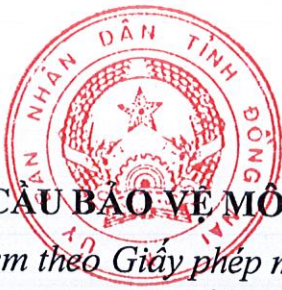
3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng bạt chống thấm và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

- Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày; Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7/GPMT-UBND ngày 2 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.
2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải ra môi trường.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 77/GPMT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau thải	Rắn	18 02 01	KS	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	15
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	10
4	Bao bì mềm thải.	Rắn	18 01 01	KS	15
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại thải bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	NH	15
6	Pin, ắc qui chì thải	Rắn	16 01 12	NH	10
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	NH	15
	Tổng cộng	-	-	-	90

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Thùng carton	Rắn	19.000	TT
2	Rơm, rạ	Rắn	18.300	TT
3	Túi nylon	Rắn	12.800	TT
4	Xốp bọc hoa quả	Rắn	16.800	TT
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	1.240	TT
	Tổng cộng		68.140	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	596,6

2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	11,0
	TỔNG CỘNG	607,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 60 lít.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 7,8 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông, bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 60 lít để lưu chứa, phân loại chất thải nguy hại có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, lắp dấu hiệu cảnh báo nguy hại tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

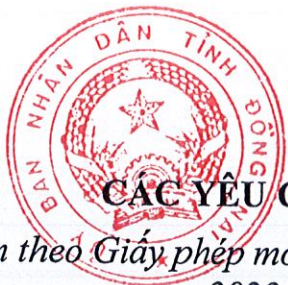
2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít, 100 lít, 120 lít.

2.3.2. Khu vực chứa chất thải sinh hoạt: Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt của Dự án (chuyển giao trong ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 77/GPMT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến UBND thị trấn Dầu Giây, UBND huyện Thống Nhất, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

2400